

MỤC LỤC

A. GIỚI THIỆU CHUNG	3
1. Vị trí địa lý.....	3
2. Địa hình	3
3. Đặc điểm thời tiết khí hậu	3
4. Xu hướng thiên tai, khí hậu	4
5. Hiện trạng Dân số	4
6. Hiện trạng sử dụng đất đai.....	5
7. Đặc điểm và cơ cấu kinh tế	5
B. ĐÁNH GIÁ NGUY CƠ VÀ ĐIỀU KIỆN DỄ TỔN THƯƠNG VỚI THIÊN TAI/BĐKH	6
1. Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH.....	6
2. Tóm tắt kết quả bản đồ vùng nguy cơ thiên tai/BĐKH dựa trên bản đồ sơ họa 7	
3. Lịch sử thiên tai/BĐKH.....	7
4. Nhóm dễ bị tổn thương.....	10
5. Đánh giá hạ tầng và dịch vụ công cộng.....	10
6. Đánh giá hiện trạng nhà ở.....	11
7. Số lượng nhà trong vùng có nguy cơ thiên tai và BĐKH	11
8. Điều kiện Nước sạch, vệ sinh và môi trường	12
9. Y tế - Nguy cơ dịch bệnh liên quan đến thiên tai, BĐKH	12
10. Y tế dự phòng- khả năng phòng ngừa dịch bệnh trong điều kiện thiên tai, BĐKH.....	13
11. Hiện trạng rừng và mức độ rủi ro với thiên tai và BĐKH	13
12. Hiện trạng sinh kế xung quanh rừng	13
13. Nguy cơ thiệt hại khi có thiên tai và BĐKH trong Hoạt động sản xuất kinh doanh.....	14
14. Hiện trạng hệ thống thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	15
15. Hiện trạng công tác phòng chống thiên tai.....	15
C. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI/BĐKH THEO LĨNH VỰC/NGÀNH	16
1. Kết quả đánh giá Hạ tầng công cộng (Điện, Đường, Trường, Trạm, Công trình Thủy lợi).....	16
2. Kết quả đánh giá về nhà ở	17

3.	Kết quả đánh giá về Nước sạch, vệ sinh và môi trường.....	17
4.	Kết quả đánh giá về y tế	17
5.	Kết quả đánh giá về giáo dục	18
6.	Kết quả đánh giá về rừng.....	18
7.	Kết quả đánh giá về trồng trọt	19
8.	Kết quả đánh giá về chăn nuôi	19
9.	Kết quả đánh giá ngành thủy sản.....	19
10.	Kết quả đánh giá lĩnh vực du lịch	20
11.	Kết quả đánh giá các ngành buôn bán nhỏ và ngành nghề dịch vụ khác....	20
12.	Kết quả đánh giá lĩnh vực thông tin truyền thông và cảnh báo sớm.....	20
13.	Kết quả đánh giá lĩnh vực Phòng chống thiên tai/thích ứng BĐKH.....	21
14.	Kết quả đánh giá một số lĩnh vực/ngành then chốt khác của địa phương ..	21
D.	TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ LIÊN NGÀNH & GIẢI PHÁP	22
1.	Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH	24
2.	Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu	26
E.	PHỤ LỤC BÁO CÁO	29

Số: /BC-UBND

Quảng An, ngày 22 tháng 6 năm 2018

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

Xã Quảng An, Huyện Quảng Điền, Tỉnh Thừa Thiên Huế

Báo cáo này là kết quả tiến trình đánh giá rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu do cộng đồng thực hiện, chú trọng đến nhóm dễ bị tổn thương là trẻ em, phụ nữ, người cao tuổi, người khuyết tật và người nghèo trong khu vực rủi ro cao, ở các lĩnh vực đời sống và xã hội. Các phân tích rủi ro trong báo cáo và các ưu tiên khuyến nghị của nhóm dễ bị tổn thương là những cơ sở quan trọng cho việc xây dựng kế hoạch địa phương như kế hoạch phòng chống thiên tai, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và là đầu vào cho dự án GCF.

A. GIỚI THIỆU CHUNG

1. Vị trí địa lý

Xã Quảng An là xã đồng bằng thuộc huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, ranh giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp với xã Quảng Phước
- Phía Nam giáp với xã Quảng Thành
- Phía Đông giáp Phá Tam Giang
- Phía Tây giáp xã Quảng Thọ

2. Địa hình

Địa hình khu vực bao gồm các dạng cơ bản sau:

- Địa hình vùng trũng.
- Có 01 thôn trải dài theo đường tỉnh lộ 4B

3. Đặc điểm thời tiết khí hậu

TT	Chỉ số về thời tiết khí hậu	ĐVT	Giá trị	Tháng xảy ra	Dự báo BĐKH của Thừa Thiên Huế năm 2050 theo kịch bản RCP 8,5 (*)
1	<i>Nhiệt độ trung bình</i>	<i>Độ C</i>	25		<i>Tăng 1,9 °C (chỉ dao động 1,3 °C -2,6 °C)</i>

2	Nhiệt độ cao nhất	Độ C	38-39	3-9	Tăng thêm khoảng 1,3-2,6°C
3	Nhiệt độ thấp nhất	Độ C	19-20	11-12	Tăng thêm/Giảm khoảng 1,6-1,8°C
4	Lượng mưa Trung bình	mm	580-795	10-11	Tăng thêm khoảng 18,6 mm

(*) Dữ liệu được nhập vào theo Gói thông tin rủi ro thiên tai và khí hậu cơ bản của từng Tỉnh do Tổng cục PCTT/UNDP tổng hợp trước đánh giá và gửi cho các Nhóm kỹ thuật

4. Xu hướng thiên tai, khí hậu

TT	Nguy cơ thiên tai, khí hậu phổ biến tại địa phương	Giảm	Giữ nguyên	Tăng lên	Dự báo BĐKH của Thừa Thiên Huế năm 2050 theo kịch bản RCP 8.5 (*)
1	Xu hướng hạn hán			X	
2	Xu hướng bão			X	
3	Xu hướng lũ			X	
4	Số ngày rét đậm			X	
5	Mực nước biển tại các trạm hải văn			X	
6	Nguy cơ ngập lụt/nước dâng do bão			X	Tăng 25cm, dao động 17-35cm

(*) Dữ liệu được nhập vào theo Gói thông tin rủi ro thiên tai và khí hậu cơ bản của từng Tỉnh do Tổng cục PCTT/UNDP tổng hợp trước đánh giá và gửi cho các Nhóm kỹ thuật

5. Hiện trạng Dân số

TT	Thôn	Số hộ			Số khẩu		
		Tổng	Nghèo	Cận nghèo	Tổng	Nam	Nữ
1	An Xuân Tây	493	67	47	1.862	942	920
2	An Xuân Bắc	312	38	26	1.179	574	605
3	An Xuân Đông	530	71	51	2.580	1.367	1.213
4	Phước Thanh	287	41	26	998	540	458
5	Mỹ Xá	306	41	28	1.210	595	615
6	Phú Lương B	556	74	44	2.120	1.102	1.018
7	Đông Xuyên	382	40	32	1.568	862	706
Tổng		2.866	372	254	11.517	5.982	5.535

6. Hiện trạng sử dụng đất đai¹

TT	Loại đất (ha)	Số lượng (ha)
I	Tổng diện tích đất tự nhiên	1.187,09
1	Nhóm đất Nông nghiệp	728,63
1.1	Diện tích Đất sản xuất Nông nghiệp	539,49
1.1.1	Đất lúa nước	526,4
1.1.2	Đất trồng cây hàng năm (ngô, khoai, mì, mía)	13,03
1.1.3	Đất trồng cây hàng năm khác	0
1.1.4	Đất trồng cây lâu năm	0,07
1.2	Diện tích Đất lâm nghiệp	
1.2.1	Đất rừng sản xuất	
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	
1.3	Diện tích Đất nuôi trồng thủy/hải sản	189,14
1.3.1	Diện tích thủy sản nước ngọt	13.65
1.3.2	Diện tích thủy sản nước mặn/lợ	175.49
1.4	Đất làm muối	
1.5	Diện tích Đất nông nghiệp khác (Xây nhà kính phục vụ trồng trọt; xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm; đất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cho mục đích học tập, nghiên cứu thí nghiệm; đất ương tạo cây giống, con giống và đất trồng hoa, cây cảnh)	
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	453,49
3	Diện tích Đất chưa sử dụng	4,96

7. Đặc điểm và cơ cấu kinh tế

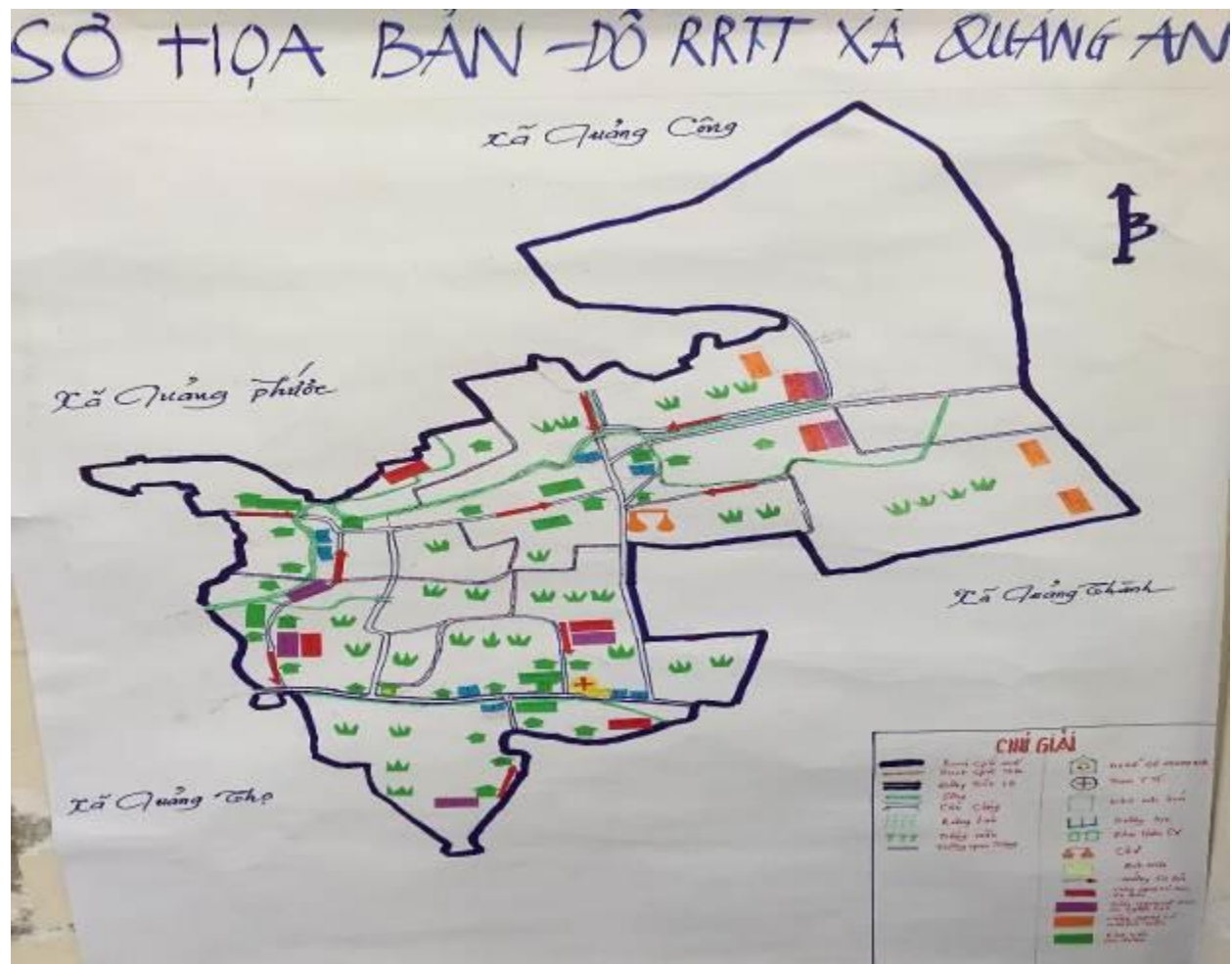
TT	Loại hình sản xuất	Tỷ trọng kinh tế ngành/tổng GDP địa phương (%)	Số hộ tham gia hoạt động Sản xuất kinh doanh (hộ)	Năng suất lao động bình quân/hộ	Tỷ lệ % phụ nữ tham gia
1	Trồng trọt	53	1.222	1 tấn	30%
2	Chăn nuôi	22,8	1.098	5	70%

¹ Phân loại theo luật đất đai 2013

				triệuVND/năm	
3	Nuôi trồng thủy sản	3,6	49	3,5 tấn	50%
4	Đánh bắt hải sản	3,6	419	1 tấn	40%
5	Sản xuất tiểu thủ công nghiệp)	1,8	216	33. (triệuVND/năm	2%
6	Buôn bán	1,6	187	30 (triệuVND/năm	80%
7	Dịch vụ thương mại	3,5	403	50 (triệu VND/năm)	50%
8	Ngành nghề khác- Vd. Đi làm ăn xa, thợ nề, dịch vụ vận tải.v.v	11,9	1.381	32 (Triệu VND/năm	10%

B. ĐÁNH GIÁ NGUY CƠ VÀ ĐIỀU KIỆN DỄ TỔN THƯƠNG VỚI THIÊN TAI/BĐKH

1. Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH



2. Tóm tắt kết quả bản đồ vùng nguy cơ thiên tai/BĐKH dựa trên bản đồ sơ họa

STT	Loại Thiên tai ² /BĐKH ³ phổ biến	Thôn có nguy cơ xảy ra thiên tai	Mức độ/Cấp độ thiên tai cao nhất đã xảy ra	Xu hướng thiên tai
1	Ngập lụt	An Xuân Tây	Cao	Tăng lên
		An Xuân Bắc	Cao	Tăng lên
		An Xuân Đông	Cao	Tăng lên
		Phước Thanh	Cao	Tăng lên
		Mỹ Xá	Cao	Tăng lên
		Phú Lương B	Cao	Tăng lên
		Đông Xuyên	Cao	Tăng lên
2	Bão	An Xuân Tây	TB	Giảm
		An Xuân Bắc	TB	Giảm
		An Xuân Đông	TB	Giảm
		Phước Thanh	TB	Giảm
		Mỹ Xá	TB	Giảm
		Phú Lương B	TB	Giảm
		Đông Xuyên	TB	Giảm
3	Xâm nhập mặn	An Xuân Tây	Cao	Tăng lên
		An Xuân Bắc	Cao	Tăng lên

3. Lịch sử thiên tai/BĐKH

Tháng /năm xảy ra	Loại thiên tai/BĐKH	Số thôn bị ảnh hưởng	Thiệt hại chính	Số lượng
11/ 1999	Ngập lụt	07 thôn toàn xã	1. Số người chết/mất tích:	4 (3 nam, 1 nữ)
			2. Số người bị thương:	50 (39 Nam, 11 nữ)
			3. Số nhà bị thiệt hại:	130 nhà sập, 390 nhà siêu vẹo
			4. Số trường học bị thiệt hại:	0
			5. Số trạm y tế bị thiệt hại:	0

² Các loại hình thiên tai theo Luật PCTT: bão, áp thấp nhiệt đới, lốc, sét, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, nước dâng, xâm nhập mặn, nắng nóng, hạn hán, rét hại, mưa đá, sương muối, động đất, sóng thần và các loại thiên tai khác

³ Biểu hiện biến đổi khí hậu bao gồm nhiệt độ trung bình tăng lên, nước biển dâng, lượng mưa và thiên tai thay đổi về tần suất, mức độ trầm trọng và thời gian xảy ra trong thời gian dài

			6. Số km đường bị thiệt hại:	70% đường hư hỏng (20km)
			7. Số ha rừng bị thiệt hại:	0
			8. Số ha ruộng bị thiệt hại:	-2% diện tích đất nông nghiệp bị bồi lấp (6ha)
			9. Số ha cây ăn quả bị thiệt hại:	0
			10. Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:	0
			11. Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại:	80% hàng hóa và kho hàng hỏng (8 cơ sở)
			12. Các thiệt hại khác...:	-30% vật dụng sinh hoạt gia đình hư hỏng -90% gia súc gia cầm bị cuốn trôi -Dịch bệnh và môi trường bị ô nhiễm -70% kênh mương hư hỏng nặng. -Dịch bệnh và môi trường ô nhiễm trên diện rộng - 90% lương thực thu hoạch dự trữ bị hư hỏng .
			13. Ước tính thiệt hại kinh tế:	100 tỷ VNĐ
2013	Bão	7/7 thôn toàn xã	14. Số người chết/mất tích:	0
			15. Số người bị thương:	0
			16. Số nhà bị thiệt hại:	9% nhà tốc mái (120 nhà)
			17. Số trường học bị thiệt hại:	0
			18. Số trạm y tế bị thiệt hại:	0
			19. Số km đường bị thiệt hại:	15% đường sạt lở, hư hỏng và bồi lấp (6km)
			20. Số ha hoa màu bị thiệt hại:	70% hoa màu thiệt hại (8ha)
			21. Số ha ruộng bị thiệt hại:	0

			22.Số ha cây ăn quả bị thiệt hại:	0
			23.Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:	0
			24.Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại:	0
			25.Các thiệt hại khác...:	20% chuồng trại chăn nuôi hư hỏng,
			26.Ước tính thiệt hại kinh tế:	1 tỷ
1/2007	Rét đậm rét hại	7/7 thôn toàn xã	27.Số người chết/mất tích:	0
			28.Số người bị thương:	0
			29.Số nhà bị thiệt hại:	0
			30.Số trường học bị thiệt hại:	0
			31.Số trạm y tế bị thiệt hại:	0
			32.Số km đường bị thiệt hại:	0
			33.Số ha rừng bị thiệt hại:	0
			34.Số ha ruộng bị thiệt hại:	60% gieo sạ hư hỏng, mất mùa (150ha)
			35.Số ha cây ăn quả bị thiệt hại:	60% hoa màu chậm phát triển (7ha)
			36.Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:	0
			37.Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại:	0
			38.Các thiệt hại khác...:	40% gia súc, gia cầm chậm phát triển, chết 60% hoa màu chậm phát triển (7ha)
			39.Ước tính thiệt hại kinh tế:	300 triệu VNĐ
2014	Xâm nhập mặn	2/7 thôn Toàn xã	40. Số người chết/mất tích:	0
			41.Số người bị thương:	0
			42.Số nhà bị thiệt hại:	0
			43.Số trường học bị thiệt hại:	0
			44.Số trạm y tế bị thiệt hại:	0
			45.Số km đường bị thiệt hại:	0
			46.Số ha rừng bị thiệt hại:	0
			47.Số ha ruộng bị thiệt hại:	55ha nhiễm mặn

		48.Số ha cây ăn quả bị thiệt hại:	0
		49.Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:	0
		50.Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại:	0
		51.Các thiệt hại khác...:	0
		52.Ước tính thiệt hại kinh tế:	88 triệu VNĐ

4. Nhóm dễ bị tổn thương

TT	Thôn	Đối tượng dễ bị tổn thương						
		Trẻ em <5 (nữ/tổng)	Trẻ em 5-16	Phụ nữ có thai*	Người cao tuổi	Người khuyết tật	Người nghèo	Người bị bệnh hiểm nghèo
1	An Xuân Tây	28/58	140/244	12	121/247	9/14	34/67	3/7
2	An Xuân Bắc	37/65	219/357	08	83/130	14/19	30/38	0/2
3	An Xuân Đông	54/120	109/234	24	160/262	11/19	40/71	5/8
4	Phước Thanh	21/45	34/67	05	71/126	8/12	5/26	4/4
5	Mỹ Xá	14/32	94/195	04	74/165	2/9	20/41	4/11
6	Phú Lương B	78/160	94/218	0	123/236	14/32	53/71	2/4
7	Đông Xuyên	35/60	83/125	03	107/182	6/9	25/42	2/4
Tổng		267/540	773/1.440	56	739/1.348	64/114	207/356	20/40

(*) Phụ nữ có thai và đang nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi

5. Đánh giá hạ tầng và dịch vụ công cộng

T	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Chất lượng chống chịu với thiên tai khí hậu (Cao, Trung Bình, Thấp)	Năm xây dựng	Nguy cơ xảy ra thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
	Trường mầm non	Phòng	25	TB	2015+ 2014+ 2008+ 2006	TB
	Trường học tiểu học	Phòng	30	TB	2008	TB

	<i>Trường THCS</i>	<i>Phòng</i>	<i>16</i>	<i>Thấp</i>	<i>2006 + 1999</i>	<i>Cao</i>
	<i>Trường PTTH</i>	<i>Phòng</i>	<i>40</i>	<i>Cao</i>	<i>2003</i>	<i>Thấp</i>
	<i>Trạm y tế</i>	<i>Phòng</i>	<i>10</i>	<i>Cao</i>	<i>2002</i>	<i>Thấp</i>
	<i>Đường điện</i>	<i>Km</i>	<i>23,2</i>	<i>Thấp vì đã xuống cấp, chưa đạt tiêu chuẩn về điện</i>	<i>1993</i>	<i>Cao</i>
	<i>Đường giao thông</i>	<i>Km</i>	<i>24,6</i>	<i>TB</i>	<i>2013</i>	<i>TB</i>
	<i>Trụ sở UBND</i>	<i>Phòng</i>	<i>21</i>	<i>TB</i>	<i>2005</i>	<i>TB</i>
	<i>Nhà văn hóa xã/thôn</i>	<i>Nhà</i>	<i>1</i>	<i>TB</i>	<i>2013</i>	<i>TB</i>
	<i>Chợ</i>	<i>Cái</i>	<i>02</i>	<i>TB</i>	<i>2011+ 2017</i>	<i>TB</i>

6. Đánh giá hiện trạng nhà ở

TT	Tên thôn	Số hộ	Nhà kiên cố	Nhà bán kiên cố (mái, cột, móng, tường không kiên cố)	Nhà thiếu kiên cố	Nhà tạm bợ	Nhà ở các khu vực cần di dời (sạt lở, lũ quét, v.v)
1	An Xuân Tây	580	121	430	14	15	14
2	An Xuân Bắc	320	33	125	127	35	127
3	An Xuân Đông	480	155	255	35	35	35
4	Phước Thanh	195	10	173	10	2	10
5	Mỹ Xá	245	167	60	16	2	16
6	Phú Lương B	465	62	327	14	62	14
7	Đông Xuyên	329	76	250	0	3	0
Tổng		2.614	624	1.620	216	154	216

7. Số lượng nhà trong vùng có nguy cơ thiên tai và BĐKH⁴

TT	Loại nhà	Số nhà thuộc vùng rủi ro cao với thiên tai, BĐKH (*)	Số nhà thuộc vùng rủi ro trung bình với thiên tai, BĐKH (*)	Số Phụ nữ, trẻ em, người già, khuyết tật sống trong từng loại nhà
1	<i>Nhà tạm bợ</i>	<i>73</i>	<i>81</i>	<i>67</i>
2	<i>Nhà thiếu kiên cố</i>	<i>133</i>	<i>83</i>	<i>56</i>

⁴ Phục vụ dự án GCF

3	Nhà bán kiên cố	555	125	18
4	Nhà kiên cố	13	16	6
	Tổng số	774	305	147

(*) Tham khảo theo kết quả bản đồ nguy cơ rủi ro thiên tai, khí hậu

8. Điều kiện Nước sạch, vệ sinh và môi trường

Tên thôn	Số hộ	Nguồn nước sạch				Nhà vệ sinh				
		Giếng	Bể chứa	Trạm cấp nước công cộng/nước máy/nước tự chảy	Không có dụng cụ chứa	Nguy cơ thiệt hại khi có thiên tai/BĐKH (Cao, Trung bình, Thấp)	Tự hoại	Tạm	Không có	Nguy cơ rủi ro thiệt hại khi có thiên tai/BĐKH (Cao, Trung bình, Thấp)
An Xuân Tây	493	05	06	Nước máy	05	TB	493	0	0	TB
An Xuân Bắc	240	0	0	Nước máy	05	TB	100	15	0	TB
An Xuân Đông	530	0	0	Nước máy	05	TB	525	05	0	TB
Phước Thanh	287	0	0	Nước máy	05	TB	287	0	0	TB
Mỹ Xá	306	0	0	Nước máy	05	TB	220	74	0	TB
Phú Lương B	536	0	0	Nước máy	05	TB	524	12	0	TB
Đông Xuyên	382	04	20	Nước máy	04	TB	0	0	0	TB
Tổng	2.774	09	26		34		2.149	106		

9. Y tế - Nguy cơ dịch bệnh liên quan đến thiên tai, BĐKH

TT	Loại dịch bệnh phổ biến	Trẻ em	Phụ nữ	Nam giới	Trong đó Người cao tuổi	Trong đó Người khuyết tật
1	Cảm cúm		72	76	27	7
2	Viêm phế quản	85	19	6	30	4
3	Viêm hô cấp trên		79	56	198	7
4	Tiêu chảy	35				
5	Da liễu		39	27		

10. Y tế dự phòng- khả năng phòng ngừa dịch bệnh trong điều kiện thiên tai, BĐKH

TT	Tên Thôn	Khả năng và kiến thức phòng ngừa dịch bệnh	Mức độ xảy ra dịch bệnh
1	An Xuân Tây	Cao	TB
2	An Xuân Bắc	Cao	TB
3	An Xuân Đông	Cao	TB
4	Phước Thanh	Cao	Thấp
5	Mỹ Xá	Cao	Thấp
6	Phú Xương	Cao	Thấp
7	Đông Xuyên	Cao	Thấp

11. Hiện trạng rừng và mức độ rủi ro với thiên tai và BĐKH⁵

Loại rừng	Tổng diện tích (ha)	Diện tích rừng thuộc vùng rủi ro cao với thiên tai, BĐKH (*)	Diện tích rừng thuộc vùng rủi ro trung bình với thiên tai, BĐKH (*)
1	2	3	4
<i>Rừng ngập mặn</i>			
<i>Rừng trên cát</i>			
<i>Đất rừng sản xuất</i>			
<i>Đất rừng phòng hộ</i>			
<i>Diện tích quy hoạch trồng rừng ngập mặn nhưng chưa trồng</i>			
<i>Diện tích quy hoạch trồng rừng trên cát nhưng chưa trồng</i>			
Tổng			

(*) Là vùng khi có thiên tai (lũ, bão, hạn, cháy rừng do khô hạn, v.v.) rừng dễ bị thiệt hại, gãy đổ. Tham khảo theo kết quả bản đồ nguy cơ thiên tai, khí hậu

12. Hiện trạng sinh kế xung quanh rừng⁶

Loại rừng	Liệt kê tên các	Liệt kê	Số hộ đã hoặc
-----------	-----------------	---------	---------------

⁵ Phục vụ cụ thể cho dự án GCF

⁶ Phục vụ cho dự án GCF

	loại cây được trồng bản địa hoặc loại cây do cộng đồng đề xuất mới (nếu cần thiết)	3 mô hình sinh kế trong rừng ngập mặn do cộng đồng đề xuất triển khai tại xã (ưu tiên các mô hình đã thí điểm thành công)	có thể tham gia vào mỗi loại mô hình sinh kế
(1)	(2)	(3)	(4)
<i>Rừng ngập mặn</i>			
<i>Rừng trên cát</i>			
<i>Rừng trồng sản xuất</i>			
<i>Rừng phòng hộ</i>			
<i>Diện tích quy hoạch trồng rừng ngập mặn nhưng chưa trồng</i>			
<i>Diện tích quy hoạch trồng rừng trên cát nhưng chưa trồng</i>			
Tổng			

13. Nguy cơ thiệt hại khi có thiên tai và BĐKH trong Hoạt động sản xuất kinh doanh

TT	Loại hình sản xuất	Số hộ tham gia SXKD tại xã	Ước tính năng xuất/Khối lượng SX hàng năm theo bình quân hộ	Khả năng chống chịu với thiên tai & TUBĐKH	Mức độ thiệt hại khi có tác động của thiên tai và khí hậu
1	Trồng trọt (ha)	1.222	1 tấn	Thấp	Cao
2	Chăn nuôi	1.098	50 triệu VND/năm	Thấp	Cao
3	Nuôi trồng thủy sản (ha)	83	3,5 tấn	TB	TB
4	Đánh bắt hải sản (tấn)	419	1 tấn	Thấp	Cao
5	Sản xuất tiểu thủ công nghiệp (thu nhập bình quân)	216	33 triệu VND/năm	TB	TB
6	Buôn bán (thu	187	50 triệu	TB	TB

	nhập bình quân)		VND/năm		
7	Du lịch	0			
8	Ngành nghề khác- Vd. Đi làm ăn xa, thợ nề, dịch vụ vận tải.v.v (thu nhập bình quân)	276	32 triệu VND/năm	TB	TB

14. Hiện trạng hệ thống thông tin truyền thông và cảnh báo sớm

TT	Loại hình	ĐVT	Số lượng
1	Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh	%	90
2	Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh	%	90
3	Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới)	Loa	21
4	Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (còi ử, công, chiêng, v.v.) tại thôn	%	90
5	Số trạm khí tượng, thủy văn		
6	Số thôn được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu)	Thôn/Tổng số thôn	7/7
7	Thông tin đó có dễ hiểu và dễ làm theo cho đối tượng BDTT không	%	30% được người thân trong gia đình truyền miệng

15. Hiện trạng công tác phòng chống thiên tai/thích ứng BĐKH

TT	Loại hình	ĐVT	Số lượng
1	Số lượng thôn có kế hoạch/phương án Phòng chống thiên tai và/hoặc kế hoạch thích ứng BĐKH hàng năm	Thôn	7
2	Số lượng trường học có kế hoạch PCTT hàng năm	Trường	5
3	Số lần diễn tập PCTT trong 10 năm qua	Lần	2
4	Số thành viên Ban chỉ huy PCTT và TKCN của xã	Người	31
	- Trong đó số lượng nữ	Người	0
	- Số lượng đã qua đào tạo QLRRTT-DVCD hoặc đào tạo tương tự về PCTT	Người	8

5	Số lượng lực lượng thanh niên xung kích, chữ thập đỏ, cứu hộ-cứu nạn tại xã	Người	73 (mỗi thôn 10 người)
	- Trong đó số lượng nữ:	Người	0
6	Số lượng Tuyên truyền viên PCTT/TU'BDKH dựa vào cộng đồng	Người	7
	- Trong đó số lượng nữ:	Người	2
7	Số lượng Phương tiện PCTT tại xã:		
	- Thuyền máy	Cái	3
	- Áo phao	Cái	77
	- Phao cứu sinh	Cái	91
	- Loa	Chiếc	30
	- Đèn pin	Chiếc	20
	- Bạt, lều	Cái	22
	- Máy phát điện dự phòng	Chiếc	1
	- Ghe nan, nhôm	Cái	5
8	Số lượng vật tư thiết bị dự phòng		0
	- Số lượng gói/đơn vị hóa chất khử trùng tại chỗ	Đơn vị	
9	Số lượng thuốc y tế dự phòng tại chỗ	Đơn vị	0
10	Khác....		

C. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI/BĐKH THEO LĨNH VỰC/NGÀNH

1. Kết quả đánh giá Hạ tầng công cộng (Điện, Đường, Trường, Trạm, Công trình Thủy lợi)

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại	TTDBTT (Số công trình có nguy cơ bị ảnh hưởng do thiên tai/BĐKH)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TU'BDKH	Rủi ro thiên tai/BĐKH
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Ngập Lụt	7/7	Tăng	84	TB	Cao
Bão	7/7	Giảm	56	TB	TB

Nhận xét: vd công trình kém, không chịu được bão cấp ..., Đê chưa được kiên cố hóa, ...

2. Kết quả đánh giá về nhà ở

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại	TTDBTT/ Nguy cơ bị thiệt hại khi có thiên tai/BĐKH	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TỪBĐKH	Rủ ro thiên tai/BĐKH
(1)	(2)	(3)	(4)		(6)
Ngập lụt	An Xuân Tây	Tăng	216	TB	Cao
	An Xuân Bắc	Tăng		TB	
	An Xuân Đông	Tăng		TB	
	Phước Thanh	Tăng		TB	
	Mỹ Xá	Tăng		TB	
	Phú Lương B	Tăng		TB	
	Đông Xuyên	Tăng		TB	
Bão	An Xuân Tây	Giảm	154	TB	TB
	An Xuân Bắc	Giảm		TB	
	An Xuân Đông	Giảm		TB	
	Phước Thanh	Giảm		TB	
	Mỹ Xá	Giảm		TB	
	Phú Lương B	Giảm		TB	
	Đông Xuyên	Giảm		TB	

3. Kết quả đánh giá về Nước sạch, vệ sinh và môi trường

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại	TTDBTT/Nguy cơ bị ảnh hưởng (Số hộ dân có nguy cơ bị thiếu nước sạch và không đảm bảo vệ sinh khi có thiên tai)	Kỹ năng, kỹ thuật áp dụng để PCTT & TỪBĐKH	Rủ ro thiên tai/BĐKH
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão	7 thôn	Giảm	13 hộ	Cao	Thấp
Ngập lụt	7thôn	Cao	49 hộ	Cao	Thấp
Hạn hán	7 thôn	Cao	267 hộ	Cao	Cao

4. Kết quả đánh giá về y tế

Loại hình	Thôn/Số	Xu	TTDBTT	Kỹ năng,	Rủ ro
-----------	---------	----	--------	----------	-------

Thiên tai/BĐKH	hộ	hướng thiệt hại		công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH	thiên tai/BĐKH
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Ngập lụt	7/789	Tăng	Dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, nguồn nước	TB	Cao
Bão	7/679	Giảm	65 Dịch bệnh	TB	Cao

5. Kết quả đánh giá về giáo dục

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại	TTĐBTT	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH	Rủi ro thiên tai/BĐKH
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão	7/7	Giảm	- 10 phòng học tại trường THCS bán kiên cố, xây đã lâu.	TB	TB
Ngập lụt	7/7	Tăng	7 trường bị ngập lụt, 50 phòng học bị ảnh hưởng	TB	Cao

6. Kết quả đánh giá về rừng

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Thôn... Số hộ	Xu hướng thiệt hại	TTĐBTT	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH	Rủi ro thiên tai/BĐKH
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
			Không		

7. Kết quả đánh giá về trồng trọt

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Thôn.../ Số hộ	Xu hướng thiệt. hại	TTDBTT (Diện tích có nguy cơ thiệt hại - ha)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH	Rủi ro thiên tai/BĐKH
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Ngập lụt	7/1.222	Giữ nguyên	539,07 ha 100% ha đất trồng lúa và hoa màu , 90% lương thực hư hỏng	TB	Cao
Bão	7/1.222	Giữ nguyên	377ha 70% ha đất trồng lúa và hoa màu	TB	Cao
Xâm nhập mặn	2/190	Tăng	55ha đất trồng lúa	TB	TB

8. Kết quả đánh giá về chăn nuôi

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại	TTDBTT (Số lượng gia súc, gia cầm và có nguy cơ thiệt hại)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH	Rủi ro thiên tai/BĐKH
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Ngập lụt	7 thôn/ 220	Giữ nguyên	28.010 con gia súc cầm nuôi thả trong vùng lũ	Thấp	Cao
Bão	7 thôn/ 220	Giữ nguyên	12.019 con gia súc cầm nuôi thả trong vùng lũ	Thấp	TB

9. Kết quả đánh giá ngành thủy sản

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại	TTDBTT (Số diện tích thủy)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để	Rủi ro thiên tai/BĐKH
--------------------------	------------	--------------------	-------------------------------	--	-----------------------

			<i>hải sản có nguy cơ thiệt hại khi xảy ra thiên tai, BĐKH)</i>	PCTT & TỰBĐKH	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Ngập lụt	An Xuân Bắc-An Xuân Đông	Tăng	80	TB	TB

10. Kết quả đánh giá lĩnh vực du lịch

Loại hình Thiên tai, BĐKH	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại	TTDBTT	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TỰBĐKH	Rủi ro thiên tai/BĐKH
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
			Không		

11. Kết quả đánh giá các ngành buôn bán nhỏ và ngành nghề dịch vụ khác

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại	TTDBTT <i>(Số hộ dân làm dịch vụ có nguy cơ thiệt hại khi có thiên tai, BĐKH)</i>	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TỰBĐKH	Rủi ro thiên tai/BĐKH
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão	7 thôn	Tăng	112 hộ buôn bán/ dịch vụ trong vùng bão, cơ sở vật chất chưa kiên cố	TB	TB
Ngập lụt	7 thôn	Giữ nguyên	112	TB	TB

12. Kết quả đánh giá lĩnh vực thông tin truyền thông và cảnh báo sớm

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại	TTDBTT <i>(Số hộ dân được tiếp cận các</i>	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để	Rủi ro thiên tai/BĐKH
---------------------------------	-------------------	---------------------------	--	---	------------------------------

			<i>dịch vụ thông tin truyền thông và cảnh báo phù hợp)</i>	PCTT & TỰ ĐKKH	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Ngập lụt	7/2.866	Cao	2.587	TB	Cao
Bão	7/2.866	Cao	2.602	TB	Cao

13. Kết quả đánh giá lĩnh vực Phòng chống thiên tai/TỰ ĐKKH

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại	TTDBTT (Số cán bộ chuyên trách/phụ trách và lực lượng 4 tại chỗ có ít nhất 5 năm làm việc trong lĩnh vực PCTT và BĐKH)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để phòng chống thiên tai và thích ứng với BĐKH	Rủi ro thiên tai/BĐKH
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Ngập lụt	7/154	Tăng	75	TB	TB
Bão	7/154	Tăng	75	TB	Cao

14. Kết quả đánh giá một số lĩnh vực/ngành then chốt khác của địa phương

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại	TTDBTT (Số hộ dân/lực lượng lao động/tài sản có nguy cơ bị thiệt hại trong thiên	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TỰ ĐKKH	Rủi ro thiên tai/BĐKH

			<i>tai và do BĐKH)</i>		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

D. TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ LIÊN NGÀNH & GIẢI PHÁP

Thứ tự vấn đề ưu tiên	Rủi ro thiên tai/BĐKH	TTDBTT	Nguyên nhân	Giải pháp
1	Hoa màu hư hỏng, mất trắng	Vùng thấp trũng, ngập lâu ngày; gió mạnh; triều cường dâng, -Mua kéo dài, rét đậm rét hại;	-Hệ thống đê bao chưa đảm bảo - Xả lũ thủy điện, hệ thống tiêu úng chưa đảm bảo nên nước rút chậm; - Thời gian mất điện nhiều ngày; - Dịch bệnh;	-Quy hoạch lại vùng cao để sản xuất hoa màu; -Nâng cấp và kiên cố hóa đê, bao; -Tập huấn KHKT cho người dân; - Tăng cường hệ thống tiêu úng; -Khắc phục điện nhanh sau TT xảy ra; -Thông báo xả lũ đến người dân kịp thời, và điều tiết nước cho phù hợp
2	Ô nhiễm môi trường trên diện rộng	-Xác súc vật chết cuốn trôi, rác thải sinh hoạt trôi nổi; - Nguồn nước bị ô nhiễm; - Chuồng trại chăn nuôi chưa đảm bảo, - Nhà vệ sinh một số hộ chưa đảm bảo; - Vỏ chai và bao bì thuốc thực vật vứt bừa bãi sau khi sử dụng;	- Một số hộ dân chưa ý thức cao trong công tác vệ sinh môi trường; - Nước thải từ các nhà máy ra; - Thiếu nước sinh hoạt; -Nguồn phân trong chuồng trại chưa được xử lý; - Hệ thống sông hói chưa được thông thoáng;	- Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân về vệ sinh môi trường; - Vận động người dân dọn dẹp vệ sinh trong nhà và thôn xóm sau khi có thiên tai xảy ra; - Tiêu độc khử trùng thường xuyên; - Nâng cấp chuồng trại; - Chính quyền can thiệp với các nhà máy khi thải nước thải ra ngoài;
3	Lương thực dự trữ hư hỏng	- Địa bàn vùng ngập trũng, -Nhà bị tốc mái; -Một số hộ dân	-Kho dự trữ hộ gia đình chưa đảm bảo; -Nhà không có gác lững;	-Nâng cấp và xây nơi dự trữ lương thực đảm bảo khô ráo; -Kê kích lương thực lên trên cao;

		<p>còn chủ quan;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống loa chưa phủ kín; 	<ul style="list-style-type: none"> - Người dân tiếp nhận thông tin chậm 	<ul style="list-style-type: none"> - Công tác tuyên truyền cho người dân kịp thời hơn; - Tăng cường cán bộ làm công tác truyền thanh trong khi có thiên tai; - Thông tin tuyên truyền cần phải thường xuyên và liên tục.
4	Gia súc, gia cầm chết	<ul style="list-style-type: none"> - Chuồng trại trong vùng thấp trũng, ngập sâu, - Thường nằm sát sườn núi nơi có nước chảy trôi, xiết - Nuôi trong vùng thấp trũng, dễ bị ngập lụt, không di chuyển được 	<ul style="list-style-type: none"> - Chăn nuôi thả rông, không có chuồng trại - Thiếu kiến thức về chăn nuôi 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyển hình thức chăn nuôi - Xây dựng chuồng trại kiên cố, - Cung cấp kiến thức chăn nuôi - Nâng cao chuồng trại, - Nâng cao nhận thức của người dân
5	Nhà sập, tốc mái	<ul style="list-style-type: none"> - Nền đất yếu do ngập lâu ngày, gió lớn, bão to; - Một số nhà nằm ở vùng xung yếu; 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà thiếu kiên cố, đơn sơ; - Một số hộ dân chủ quan trong công tác chống nhà cửa; - Chưa được trang bị kiến thức và kỹ năng về phòng chống thiên tai - Những hộ trong diện nghèo chưa được hỗ trợ xây dựng nhà theo chương trình của Chính phủ 	<ul style="list-style-type: none"> - Xây nhà kiên cố, xóa nhà tạm; - Tuyên truyền cho người dân về công tác PCTT; - Quy hoạch và di dời vùng an toàn; - Mở rộng đối tượng cận nghèo; - Hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà cho hộ nghèo mức cao hơn so với 2014 (15 triệu/hộ).
6	Công trình giao thông, thủy lợi hư hỏng	<ul style="list-style-type: none"> - Kênh mương HTX Đông Phú, trạm bơm tiêu Bầu Bang bị xuống cấp. - Do địa hình thấp, trũng; 	<ul style="list-style-type: none"> - Do dòng chảy từ thượng nguồn đổ về; - Công trình xây dựng lâu năm bị xuống cấp và do ngập lụt lâu ngày; - Đường giao thông đi lại đường đất, chưa bê tông hóa; - Các công trình thủy lợi, giao thông chưa được kiên cố hóa 	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao đê, kè, khơi thông dòng chảy; - Tu bổ sửa chữa hàng năm; - Xây mới kênh mương HTX Đông Phú; - Xây mới trạm bơm Bầu bang; - Thay mới hệ thống bơm;

7	Người chết và bị thương	-Đường dây điện chưa đảm bảo -Chưa biết bơi; chưa có áo phao	- Người dân còn chủ quan sử dụng điện khi có thiên tai xảy ra;	-Nâng cấp hệ thống điện; - Vận động hộ gia đình sử dụng áo phao; - Tập huấn kỹ năng bơi lội cho học sinh
8	Nhóm đối tượng DBTT khó tiếp cận y tế	-Ngập sâu, nhiều ngày; giao thông bị chia cắt và cô lập; - Sức khỏe yếu;	- Vùng trũng; - Hệ thống giao thông đi lại khó khăn; -Thiếu phương tiện di chuyển;	- Nâng cấp đường giao thông tỉnh lộ 4B; - Tăng cường phương tiện vận chuyển; - Tăng cường cán bộ y tế có năng lực; -Dự trữ cơ sở thuốc, dụng cụ y tế; - Có danh sách nhóm đối tượng DBTT

1. Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH

Thứ tự vấn đề ưu tiên	Rủi ro thiên tai/BĐKH	TTDBTT	Nguyên nhân	Giải pháp
1	Hoa màu hư hỏng, mất trắng	Vùng thấp trũng, ngập lâu ngày; gió mạnh; triều cường dâng, -Mưa kéo dài, rét đậm rét hại;	- Hệ thống đê bao chưa đảm bảo - Xả lũ thủy điện, hệ thống tiêu úng chưa đảm bảo nên nước rút chậm; - Thời gian mất điện nhiều ngày; - Dịch bệnh;	-Quy hoạch lại vùng cao để sản xuất hoa màu; -Nâng cấp và kiên cố hóa đê, bao; -Tập huấn KHKT cho người dân; - Tăng cường hệ thống tiêu úng; -Khắc phục điện nhanh sau TT xảy ra; -Thông báo xả lũ đến người dân kịp thời, và điều tiết nước cho phù hợp
2	Ô nhiễm môi trường trên diện rộng	-Xác súc vật chết cuốn trôi, rác thải sinh hoạt trôi nổi; - Nguồn nước bị ô nhiễm; - Chuồng trại chăn nuôi chưa đảm bảo, - Nhà vệ sinh một số hộ chưa đảm bảo;	- Một số hộ dân chưa ý thức cao trong công tác vệ sinh môi trường; - Nước thải từ các nhà máy ra; - Thiếu nước sinh hoạt; -Nguồn phân trong chuồng trại chưa được xử lý;	- Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân về vệ sinh môi trường; - Vận động người dân dọn dẹp vệ sinh trong nhà và thôn xóm sau khi có thiên tai xảy ra; - Tiêu độc khử trùng thường xuyên; - Nâng cấp chuồng trại; - Chính quyền can thiệp với các nhà máy khi thải nước thải

		<ul style="list-style-type: none"> - Vỏ chai và bao bì thuốc thực vật vứt bừa bãi sau khi sử dụng; 	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống sông hói chưa được thông thoáng; 	ra ngoài;
3	Lương thực dự trữ hư hỏng	<ul style="list-style-type: none"> - Địa bàn vùng ngập trũng, - Nhà bị tốc mái; - Một số hộ dân còn chủ quan; - Hệ thống loa chưa phủ kín; 	<ul style="list-style-type: none"> - Kho dự trữ hộ gia đình chưa đảm bảo; - Nhà không có gác lửng; - Người dân tiếp nhận thông tin chậm 	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cấp và xây nơi dự trữ lương thực đảm bảo khô ráo; - Kê kích lương thực lên trên cao; - Công tác tuyên truyền cho người dân kịp thời hơn; - Tăng cường cán bộ làm công tác truyền thanh trong khi có thiên tai; - Thông tin tuyên truyền cần phải thường xuyên và liên tục.
4	Gia súc, gia cầm chết	<ul style="list-style-type: none"> - Chuồng trại trong vùng thấp trũng, ngập sâu, - Thường nằm sát sườn núi nơi có nước chảy trôi, xiết - Nuôi trong vùng thấp trũng, dễ bị ngập lụt, không di chuyển được 	<ul style="list-style-type: none"> - Chăn nuôi thả rông, không có chuồng trại - Thiếu kiến thức về chăn nuôi 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyển hình thức chăn nuôi - Xây dựng chuồng trại kiên cố, - Cung cấp kiến thức chăn nuôi - Nâng cao chuồng trại, - Nâng cao nhận thức của người dân
5	Nhà sập, tốc mái	<ul style="list-style-type: none"> - Nền đất yếu do ngập lâu ngày, gió lớn, bão to; Một số nhà nằm ở vùng xung yếu; 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà thiếu kiên cố, đơn sơ; - Một số hộ dân chủ quan trong chằng chống nhà cửa; - - Những hộ trong diện nghèo chưa được hỗ trợ xây dựng nhà theo chương trình của Chính phủ 	<ul style="list-style-type: none"> - Xây nhà kiên cố, xóa nhà tạm; - Tuyên truyền cho người dân về công tác PCTT; - Quy hoạch và di dời vùng an toàn; - Mở rộng đối tượng cận nghèo; - Hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà cho hộ nghèo mức cao hơn so với 2014 (15 triệu/hộ).
6	Công trình giao thông, thủy lợi hư hỏng	<ul style="list-style-type: none"> - Kênh mương HTX Đông Phú, trạm bơm tiêu Bầu Bang bị xuống cấp. - Do địa hình thấp, trũng; 	<ul style="list-style-type: none"> Do dòng chảy từ thượng nguồn đổ về; - Công trình xây dựng lâu năm bị xuống cấp và do ngập lụt lâu ngày; - Đường giao thông đi 	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao đê, kè, khơi thông dòng chảy; - Tu bổ sửa chữa hàng năm; - Xây mới kênh mương HTX Đông Phú; - Xây mới trạm bơm Bầu bang; - Thay mới hệ thống bơm;

			lại đường đất, chưa bê tông hóa; -Các công trình thủy lợi, giao thông chưa được kiên cố hóa	
7	Người chết và bị thương	-Đường dây điện chưa đảm bảo -Chưa biết bơi; chưa có áo phao	- Người dân còn chủ quan sử dụng điện khi có thiên tai xảy ra;	-Nâng cấp hệ thống điện; - Vận động hộ gia đình sử dụng áo phao; - Tập huấn kỹ năng bơi lội cho học sinh
8	Nhóm đối tượng DBTT khó tiếp cận ý tế	-Ngập sâu, nhiều ngày; giao thông bị chia cắt và cô lập; - Sức khỏe yếu;	- Vùng trũng; - Hệ thống giao thông đi lại khó khăn; -Thiếu phương tiện di chuyển;	- Nâng cấp đường giao thông tỉnh lộ 4B; - Tăng cường phương tiện vận chuyển; - Tăng cường cán bộ y tế có năng lực; -Dự trữ cơ sở thuốc, dụng cụ y tế; - Có danh sách nhóm đối tượng BDTT

2. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH

Nhóm ngành/lĩnh vực	Các giải pháp đề xuất	Địa điểm và đối tượng hưởng lợi	Hoạt động cụ thể để thực hiện giải pháp	Thời gian dự kiến		Nguồn ngân sách dự kiến
				Ngắn hạn	Dài hạn	
Hạ tầng công cộng (Điện, Đường, Trường, Trạm, Công trình Thủy lợi)	-Xây dựng đê bao chống úng -Xây dựng, nâng cấp tuyến đường Đông Xuân-An Xuân Tây -Xây dựng nhà chống bão	Toàn xã 7 Cụm thôn	-Kêu gọi đầu tư xây dựng;		X	Nhà nước
Nhà ở	-Kiên cố nhà cửa -Hỗ trợ nguồn lực giúp dân chằng chống nhà cửa an toàn	Người dân	- Vận động người dân xây dựng nhà an toàn - Vận động các nguồn lực để xóa		X X	Nhân dân Các tổ

	-Nâng cao nhận thức cho người dân về công tác PCTT		nhà tạm cho hộ nghèo - Hỗ trợ nhân lực giúp các hộ neo đơn chằng chống nhà - Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân về xây dựng, bảo vệ nhà.	X X		chức Nhân dân Các đoàn thể XH Nhà nước
Trồng trọt	-Trang bị kiến thức KHKT cho người dân -Chuyên đổi cây trồng có giá trị cao	Người trồng trọt	-Tập huấn về KHKT cho người dân	X		
Chăn nuôi	-Trang bị kiến thức KHKT cho người dân -Chuyên đổi hình thức chăn nuôi, hàng hóa thị trường chất lượng cao và có đầu ra sản phẩm -Nâng cấp chuồng trại	Hộ chăn nuôi	-Tập huấn KHKT -Vận động chuyển qua nuôi nhốt chuồng -Vận động người dân nâng cao chuồng vượt lũ -Dự trữ thức ăn cho trâu, bò	X X X X		Nhà nước Nhân dân Nhân dân
Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	-Nâng cấp hệ thống truyền thanh -Tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân qua hệ thống loa đài phát thanh	Các thôn	- Tu sửa hệ thống truyền thanh -Trang bị máy phát điện/ bình Ac quy ở các điểm loa không dây - Có kế hoạch phát các bản tin tuyên truyền về PCTT cũng như kiến thức về trồng trọt, chăn nuôi	X X		Nhà nước Nhà nước
Phòng chống thiên tai và TUBĐKH	-Nâng cao năng lực cho BCH PCTT & TKCN xã, thôn; lực lượng xung kích	Cán bộ làm công tác PCTT	Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ xã, thôn Tập huấn nâng cao kỹ năng về cứu hộ, cứu nạn cho lực lượng cứu hộ	X X		Nhà nước Các tổ chức

Nơi nhận:

- BCH PCTT&TKCN huyện;
- TT Đảng ủy, HĐND
- UB Mặt trận
- CT, PCT.UBND;
- Các thôn.
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đặng Văn Thành

E. PHỤ LỤC BÁO CÁO

Phụ lục 1: Danh sách người tham gia đánh giá

TT	Họ tên	Đơn vị	Số điện thoại
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			

Phụ lục 2: Các bảng biểu, bản đồ lập ra trong quá trình đánh giá theo hướng dẫn

Công cụ 2:

LỊCH SỬ THIÊN TAI

Năm/ Tháng	Thiên tai	Đặc điểm/xu hướng TT	Khu vực thiệt hại	Thiệt hại	Tại sao	Đã làm gì để ứng phó
2009	Bão (số 9)	Sức gió mạnh cấp 9-10, giật cấp 11-12	Toàn xã	<p>*ATCD:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chết 02 người nam, bị thương 6 người (3 nữ) -19 nhà sập, tốc mái -04 trụ điện ngã đổ -05km đường giao thông sạt lở -Trường MG xóm Đò Gặp bị tốc mái -05 cụm thu FM và 10 loa hư không hoạt động -Cây ngã đổ gây ách tắc giao thông 	<p>*ATCD:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người chết và bị thương - Nhà tạm bợ, ven sông thấp trũng -Rác vương vào dây điện và nước chảy xiết, tạo lực mạnh dẫn đến ngã trụ điện -Nước xoáy, chảy mạnh, xói đất -Trường nằm vùng trũng, gió mạnh -Thiết bị điện tử để ngoài trời, ướt nước -Thiếu máy cưa, máy xẻ cầm tay phục vụ cho công tác khắc phục -Nằm vùng gò cao, gió mạnh 	<ul style="list-style-type: none"> - Chính quyền hỗ trợ cho người chết, bị thương - Các tổ chức cứu trợ nhu yếu phẩm cho các hộ bị thiệt hại -Có các biển báo nguy hiểm, gia cố đất đá tá ly, sau đó bê tông hóa đường -Thu gom tole, lợp và chằng chống lại trường - Thu hồi, sửa chữa khắc phục đưa vào hoạt động -Thuê người khai thông tuyến đường giao thông do cây ngã đổ

2013	Bão (số 11) Nari	Sức gió mạnh 12-13, giật cấp 15-16	Toàn xã	<p>*SXKD:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 9ha hoa màu mất trắng -5ha rừng phòng hộ tróc gốc, ngã đổ -Chợ Vô Chiêm Sơn tốc mái -60 hộ dân và 02 cơ sở Hồ Mắc Đông Yên và HTX dệt may Duy Trinh nguyên liệu sản xuất ướt và mất trắng <p>*VSMT:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Rác thải sinh hoạt vứt ra môi trường xung quanh. -Xác súc vật chết - Bồn dự trữ nước của 60 hộ dân bể, hỏng <p>Ướt thiệt hại: 30,8 tỷ đồng</p> <p>*ATCD:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 03 người bị thương (1nữ) - 01 nhà sập hoàn toàn, 79 nhà tốc mái -5 trụ điện gãy (1 trụ điện lưới QG, 04 trụ điện thủy lợi hóa đất màu), 50m dây điện đứt -MG Duy Trinh, THCS Phú Đông, TH Duy Trinh tốc mái, tốc la phong, sập bờ rào (50m) -Trụ sở UBND xã tốc la phong, bề kính 12m² -Tốc mái tole, sập mái hiên, hệ thống nước 	<p>*SXKD:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Trồng vùng trũng, xung quanh bờ bao ruộng, lượng mưa lớn, thoát không kịp. - Rừng trên núi cao, gió cấp 12 quật ngã cây -Cơ sở nằm vùng thấp trũng, nhà có nhiều ô thông gió nhưng chưa được che chắn <p>*VSMT:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Người dân chưa có ý thức trong việc giữ gìn VSMT - Chưa có đội thu gom công trình đô thị - Bồn nước được đặt trên mái nhà hoặc mái nhà vệ sinh <p>*ATCD:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà lợp ngói, xuống cấp, ngói rơi gây tai nạn trong thiên tai - Nhà bán kiên cố nằm trên đồi cao, xung quanh trồng, -Rác vương vào dây điện và nước chảy xiết, tạo lực mạnh dẫn đến ngã trụ điện -Trường nằm vùng trũng, gió mạnh -Nhà có nhiều lỗ thông gió, cửa kính có hở, đất cát bắn vào kính. 	<ul style="list-style-type: none"> -UBND huyện hỗ trợ giống tái SX - Thu hoạch với những cây đủ năm tuổi - Thu gom tole, dựng bạc che trên mái -Động viên người dân và đề xuất cấp trên hỗ trợ kinh phí. -Vận động người dân dọn VSMT xung quanh; - Y tế hướng dẫn người sử lý môi trường, dịch bệnh, nguồn giếng đào. - Chính quyền hỗ trợ người bị thương - Các tổ chức cứu trợ nhu yếu phẩm cho các hộ bị thiệt hại -Đã đề nghị điện lực dựng trụ điện và khôi phục lại hệ thống điện sau bão -Chằng dây thép và các bao cát trên mái nhà. -Động viên người dân và đề xuất cấp
------	-------------------------	------------------------------------	---------	--	---	--

				<p>màng sợi hư 20m, nhà xe sập, hàng hóa ướt (Cty Dệt Phú Đông, HTX Dệt may Duy Trinh, Cty Sedovinaco)</p> <p>Ước thiệt hại:</p>	<p>-Cơ sở nằm vùng thấp trũng, nhà có nhiều ô thông gió nhưng chưa được che chắn</p>	<p>trên hỗ trợ kinh phí.</p>
2016	Bão (số 4)		Toàn xã	<p>*SXKD:</p> <ul style="list-style-type: none"> -6,5 ha hoa màu vụ đông xuân ngã đổ mất trắng -710 gia súc gia cầm chết <p>Ướt thiệt hại: 300 triệu đồng</p> <p>*ATCD:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 98% nhà ngập - 250m kênh mương thủy lợi cấp 2 bị sạt lở - 6,5 km kênh mương bị bồi lấp đất - 35m đường giao thông sạt lở - 12 trụ điện phục vụ SXNN ngã đổ, 1,3km đường dây điện đứt (Thị Lai, Đông Yên, Phú Bông) - Trạm bơm bị sạt lở - Người dân thiếu thông tin - Cơ sở hạ tầng ngập sâu trên 2,5m - 80% học sinh (65% nữ), người dân (50%, 15% nữ) không biết bơi. - Thuyền máy có nhưng người lái không có bằng cấp - Học sinh nghỉ học 	<p>*SXKD:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trồng xen canh, gôỉ vụ thâm canh <p>*ATCD:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nằm vùng ven sông, trũng - 80% nhà không có lối thoát hiểm khi ngập lụt -10% nhà không có gác lửng, sàn. - Công trình xuống cấp, nền đất yếu, nằm trong dòng chảy xiết - Thông tin liên lạc bị gián đoạn - Trạm bơm xuống cấp nằm sát sông, lũ chảy xiết - Thiếu phương tiện CHCN (ghe, thuyền) - Lái thuyền CHCN chưa được đào tạo -Không có địa điểm để tổ chức dạy bơi cho học sinh - Một số hộ dân còn chủ quan trong công tác PCTT - Đường đi lại ngập sâu 	<p>-Chính quyền hỗ trợ giống mới</p> <ul style="list-style-type: none"> - Di dời những nhóm đối tượng DBTT và những hộ nằm vùng ngập sâu đến nơi an toàn - Người dân tự dọn dẹp VS nhà - Đã xây dựng 01 hồ bơi trường THCS Duy Trinh - Trường học xây thêm tầng để thiết bị và lưu trữ hồ sơ, tài liệu, tầng dưới dùng dạy học. - Lái thuyền CHCN chưa được đào tạo - Cty điện lực cúp điện để đảm bảo an toàn cho dân - Sử dụng loa cầm tay để thông báo, -Dùng máy phát điện sử dụng hệ thống truyền thanh hữu tuyến của xã để thông báo tình hình ngập lụt. - Khi có công việc cấp thiết thì điều động người có kinh nghiệm lái thuyền (bệnh nặng, sinh đẻ đến nơi KCB)
2009, 2017	Ngập lụt	Thời gian kéo dài, ngập sâu 2,5-3 mét	Toàn xã (Thị Lai- Phú Bông)			

2009, 2017	Sạt lở bờ sông	Toàn xã	<p>*SXKD:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 5.000m vải, sợi ướn và mắt trắng, 45 máy dệt hư hỏng - 3.000 gia súc gia cầm cuốn trôi 50 bao thức ăn gia súc gia cầm trôi -4 ha hoa màu mắt trắng -Lương thực dự trữ ẩm mốc hư -Những hộ buôn bán nhỏ gián đoạn hoạt động kinh doanh - 1.800kg cá trôi, chết <p>*VSMT:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Thiếu nước sinh hoạt -Lương thực, nước dự trữ không đủ - Nhà vệ sinh ngập -Các bệnh ngoài da, mắt đỏ, dịch tả - 100% giếng đào không dùng được <p>Ướt thiệt hại: 100 tỷ đồng</p>	<p>*SXKD:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xưởng dệt đơn sơ, máy dệt nặng, cồng kềnh, mức lũ lên nhanh vào ban đêm -Chăn nuôi không có chuồng trại -Cây trồng không thích hợp ngập - Nhà dột, độ ẩm cao - Dọn dẹp tránh lũ nên không bán <p>*VSMT:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngập lâu ngày, sâu 2,5-3 mét, nguồn nước nhiễm - Người dân dự trữ lương thực, nước uống ít ngày - Thiếu chỗ đi vệ sinh. - Đi lại trong lũ, nguồn nước không hợp vệ sinh - Giếng bị ngập nước <p>*ATCD:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Trạm bơm Vạn Bùng sạt lở -Sạt lở lấn dần vào khu dân cư <p>*SXKD:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Bồi lấp và mất đất SX -Hoa màu mắt trắng <p>Ướt thiệt hại : 1,1 tỷ</p>	<p>*SXKD:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xưởng dệt đơn sơ, máy dệt nặng, cồng kềnh, mức lũ lên nhanh vào ban đêm -Chăn nuôi không có chuồng trại -Cây trồng không thích hợp ngập - Nhà dột, độ ẩm cao - Dọn dẹp tránh lũ nên không bán <p>*VSMT:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngập lâu ngày, sâu 2,5-3 mét, nguồn nước nhiễm - Người dân dự trữ lương thực, nước uống ít ngày - Thiếu chỗ đi vệ sinh. - Đi lại trong lũ, nguồn nước không hợp vệ sinh - Giếng bị ngập nước <p>*ATCD:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Năm sạt lở bờ sông nhưng không có kè bê tông, công trình xuống cấp - Thay đổi dòng chảy. -Chủ quan dựa theo kinh nghiệm xuống giống không theo thời vụ 	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo cho học sinh nghỉ học. - Huy động lực lượng dân quân tự vệ, đoàn viên TN hỗ trợ giúp đỡ dân dọn dẹp sau lũ - Năm DS các hộ thiệt hại. -Hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi cho những hộ bị thiệt - Những hộ thiệt hại về dệt may được hỗ trợ tiền. -Hỗ trợ lương thực khô và nước cho người dân. - Phun thuốc và xử lý nguồn nước, môi trường - Vận động người dân cùng chính quyền ra quân dọn dẹp VS cơ giới. - Dùng xe cơ giới vận chuyển rác thải tập kết đến nơi quy định để xử lý - Nạo vét giếng, xử lý thuốc <p>- Di chuyển vào sâu 10 mét xây mới (2010)</p>
------------	----------------	---------	--	--	---	---

		<p>kính còn khe hở, đất cát bắn vào kính.</p> <p>-Cơ sở dệt nằm vùng thấp trũng, nhà có nhiều ô thông gió nhưng chưa được che chắn</p>	<p>-Động viên người dân và đề xuất cấp trên hỗ trợ kinh phí.</p>	
Ngập lụt	<p>Thời gian kéo dài, ngập sâu 2,5-3 mét</p>	<p>*ATCD:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nằm vùng ven sông, trũng - 80% nhà không có lối thoát hiểm khi ngập lụt -10% nhà không có gác lửng, sàn. - Công trình xuống cấp, nền đất yếu, nằm trong dòng chảy xiết - Thông tin liên lạc bị gián đoạn - Trạm bơm xuống cấp nằm sát sông, lũ chảy xiết - Thiếu phương tiện CHCN (ghe, thuyền) - Lái thuyền CHCN chưa được đào tạo -Không có địa điểm để tổ chức dạy bơi cho học sinh - Một số hộ dân còn chủ quan trong công tác PCTT - Đường đi lại ngập sâu <p>*SXKD:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xưởng dệt đơn sơ, máy dệt nặng, công kênh, mức lũ lên nhanh vào ban đêm -Chăn nuôi không có chuồng trại -Cây trồng không thích hợp - Nhà dột, độ ẩm cao - Di dời đồ đạc lên cao tránh lũ nên không bán <p>*VSMT:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngập lâu ngày, sâu 2,5-3 mét, nguồn nước nhiễm - Người dân dự trữ lương thực, nước uống ít ngày - Thiếu chỗ đi vệ sinh. - Đi lại trong lũ, nguồn nước không hợp vệ sinh 	<ul style="list-style-type: none"> - Di dời những nhóm đối tượng DBTT và những hộ nằm vùng ngập sâu đến nơi an toàn - Người dân tự dọn dẹp VS nhà - Đã xây dựng 01 hồ bơi trường THCS Duy Trinh - Trường học xây thêm tầng để thiết bị và lưu trữ hồ sơ, tài liệu, tầng dưới dùng dạy học. - Lái thuyền CHCN chưa được đào tạo - Cty điện lực cúp điện để đảm bảo an toàn cho dân - Sử dụng loa cầm tay để thông báo, -Dùng máy phát điện sử dụng hệ thống truyền thanh hữu tuyến của xã để thông báo tình hình ngập lụt. - Khi có công việc cấp thiết thì điều động người có kinh nghiệm lái thuyền (bệnh nặng, sinh đẻ đến nơi KCB) - Thông báo cho học sinh nghỉ học. - Huy động lực lượng dân quân tự vệ, đoàn viên TN hỗ trợ giúp đỡ dân dọn dẹp sau lũ - Nắm DS các hộ thiệt hại. -Hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi cho những hộ bị thiệt - Những hộ thiệt hại về dệt may được hỗ trợ tiền. -Hỗ trợ lương thực khô và nước cho người dân. - Phun thuốc và xử lý nguồn nước, môi trường -Vận động người dân cùng chính quyền ra quân dọn dẹp VS cơ giới. - Dùng xe cơ giới vận chuyển rác thải tập kết đến nơi quy định để xử lý - Nạo vét giếng, xử lý thuốc 	<p>CSHT hư hỏng</p> <p>Thiếu phương tiện CHCN</p> <p>Dịch bệnh</p>

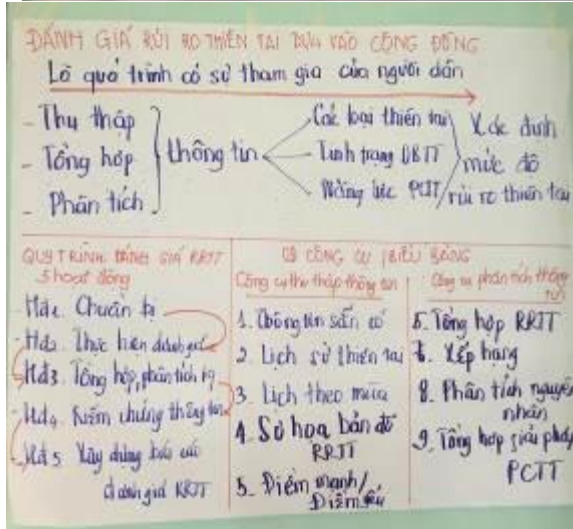
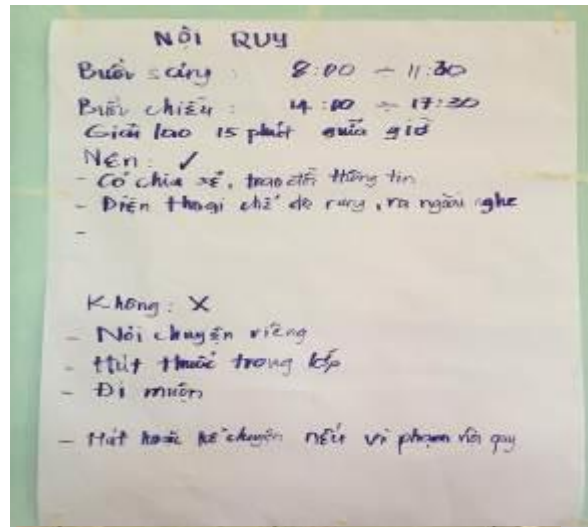
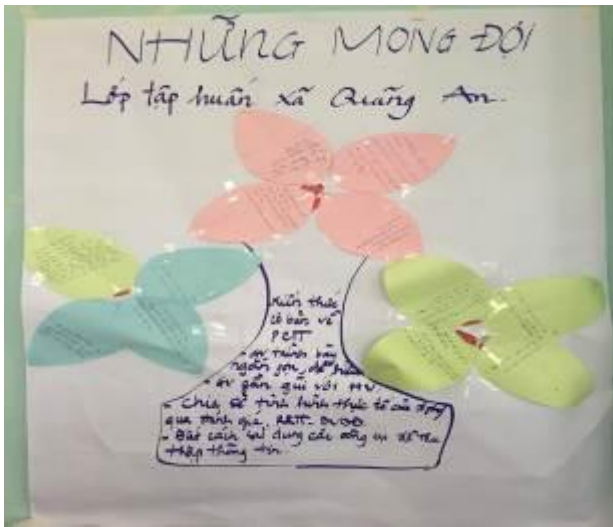
		- Giếng bị ngập nước		
Sạt lở bờ sông		<p>*ATCĐ: - Nằm sạt bờ sông nhưng không có kè bê tông, công trình xuống cấp - Thay đổi dòng chảy.</p> <p>*SXKD: - Chủ quan dựa theo kinh nghiệm xuống giống không theo thời vụ</p>	- Di chuyển vào sâu 10 mét xây mới (2010) trạm bơm.	

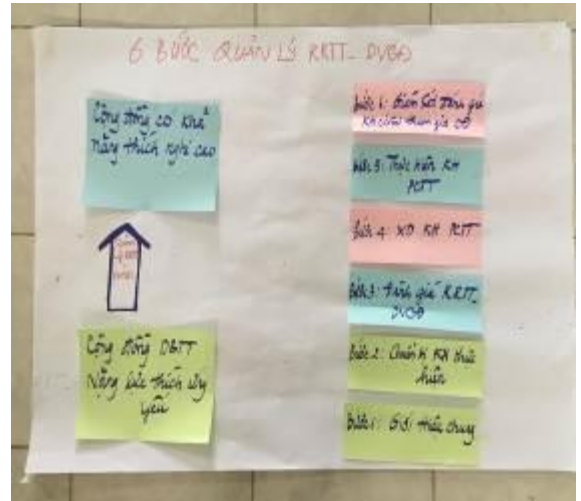
**TỔNG HỢP XẾP HẠNG RỦI RO THIÊN TAI
XÃ DUY TRINH**

Rủi ro thiên tai	Số phiếu cho các thông tin					Toàn xã			Thứ tự xếp hạng
	Cụm 1		Cụm 2		Kiểm chứng				
	Nam	Nữ	Nam	Nữ					

Rủi ro thiên tai	Số phiếu cho các thông tin				Toàn xã			Thứ tự xếp hạng
	Cụm 1		Cụm 2		Nam	Nữ	Tổng điểm	
	Nam	Nữ	Nam	Nữ				
Chết người, bị thương								
Gia súc, gia cầm chết								
Ô nhiễm môi trường								
Nhà sập, tốc mái								
CSHT hư hỏng								
Hoa màu, hư hỏng, mất trắng								
Thiếu nước sạch								
Thiếu phương tiện CHCN								
Tổng cộng:								

Phụ lục 3: Ảnh chụp một số hoạt động đánh giá



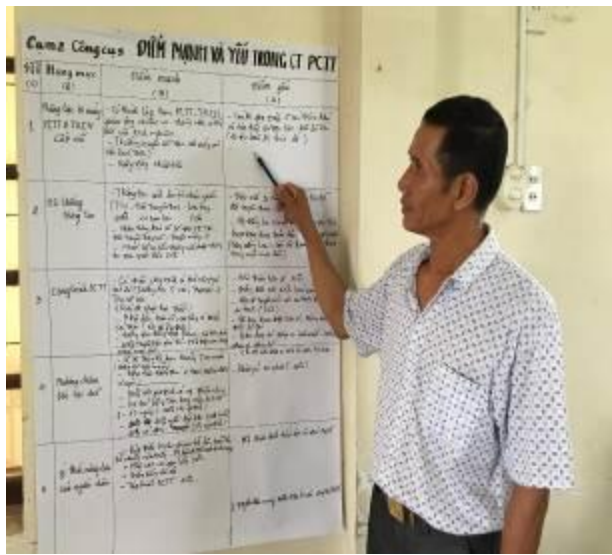




Ảnh đánh giá CBDRA









Ảnh Tổng hợp thông tin của nhóm





Làm việc với Đại diện Lãnh đạo UBND xã



